

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG KIẾN MINH**

ĐC : 138 NGÔ GIA TỰ, ĐỒNG HỚI, QUẢNG BÌNH

SĐT : 02323.829.789 - 0913.73.73.55

MAIL: KTXDKIENMINH@GMAIL.COM

WEB : KTXDKIENMINH.COM

DANH MỤC ĐƠN GIÁ THI CÔNG TRỌN GÓI NHÀ Ở NĂM 2023

(Áp dụng cho các công trình dân dụng có kết cấu bê tông cốt thép)

I PHÂN THÔ					
TT	PHÂN KHÚC	ĐƠN GIÁ SÀN		DIỄN GIẢI	GHI CHÚ
		GÓI CƠ BẢN	GÓI CAO CẤP	HOÀN THÀNH PHẦN THÔ:	
1	Cư trú: Nhà phố/Biệt thự phố/Biệt thự vườn	3.600.000đ/m ²	4.100.000đ/m ²	* GÓI CƠ BẢN & GÓI CAO CẤP gồm: - Trần: Tô trát hoàn thiện - Tường: Tô trát hoàn thiện - Sàn: Bề mặt bê tông sàn - Hệ thống điện - nước: Hoàn thiện đi đường ống điện nước âm tường đến ngang bề mặt tô trát, âm sàn ngang bề mặt bê tông. Hoàn thiện đi dây theo thiết kế. * GÓI CAO CẤP : - Chống thấm sàn bê tông các vị trí cần thiết (sàn vệ sinh, ban công...) - Cung cấp nhân công hoàn thiện ốp lát nền, sàn, và các phòng vệ sinh. - Cung cấp nhân công lắp đặt hoàn thiện thiết bị điện nước. - Thi công điện nhẹ và đường ống điều hoà các phòng ngủ.	Chiều cao từ 1 đến 3 tầng
2	Lưu trú: Chung cư cho thuê/ Nhà nghỉ/khách sạn/...	4.100.000đ/m ²	4.800.000đ/m ²		
3	Villa/Biệt thự cổ điển	Từ 6.000.000đ/m ²			
	LOẠI MÓNG	ĐƠN GIÁ MÓNG (%ĐGCB x Smóng)		Căn cứ hồ sơ thiết kế kết cấu; căn cứ khảo sát thực tế địa chất, địa hình để áp dụng biện pháp và giải pháp thi công phù hợp.	
	Móng đơn	20% - 25%		Đơn giá chưa bao gồm các biện pháp gia cố nền móng ngoại vi công trình. Thi công theo hồ sơ thiết kế kỹ thuật kết hợp thực địa.	
	Móng băng	35% - 40%			
	Móng bè	55% - 60%		Đơn giá tính ngang phần đầu cọc trở lên. Khối lượng ép cọc tính riêng, tùy theo địa chất khảo sát và khối lượng cọc ép thực tế.	
	Móng cọc	30% - 35%			
	TUM - MÁI	ĐƠN GIÁ MÁI (%ĐGCB x Smái)		Tùy thuộc thiết kế, cấu tạo, vật liệu sử dụng	
	Mái tôn bảo vệ	20% - 25%		Lớp tôn chống nóng, bảo vệ sàn bê tông	
	Mái dốc trang trí	35% - 55%.		Các kiểu mái có cổ mái hoặc xây thu hồi thông dụng như: mái thái, mái lải, ...	

II					PHẦN THÔ + HOÀN THIỆN				
STT	PHÂN KHÚC	ĐƠN GIÁ SÀN		DIỄN GIẢI		GHI CHÚ			
		GÓI CƠ BẢN	GÓI CAO CẤP	HOÀN THÀNH PHẦN THÔ + HOÀN THIỆN:					
1	Cư trú: Nhà phố/Biệt thự phố/Nhà vườn	5.350.000đ/m ²	6.200.000đ/m ²	* CƠ BẢN & CAO CẤP: - Hoàn thiện ốp lát nền sàn, phòng vệ sinh, cầu thang, cấp sảnh - Hoàn thiện sơn nước và chống thấm tường ngoại thất. - Lắp đặt hệ thống cửa đi - cửa sổ - vách kính. - Lắp đặt hoàn thiện thiết bị điện nước, thiết bị vệ sinh. - Lắp đặt hoàn thiện lan can, tay vịn cầu thang, ban công. - Lắp đặt khung bảo vệ cửa sổ, khung an toàn ban công sau, sân phơi.		Chiều cao từ 1 đến 3 tầng			
2	Lưu trú: Chung cư cho thuê/ Nhà nghỉ/khách sạn/...	6.000.000đ/m ²	6.800.000đ/m ²	* CAO CẤP: - Thi công trần thạch cao khung chìm theo thiết kế nội thất. - Lắp đặt hệ thống điện đèn downlight âm trần cho trần thạch cao. - Đã bao gồm thiết kế phí					
3	Villa/Biệt thự cổ điển/Biệt thự vườn	Từ 10.000.000đ/m ²		Ngoài các hạng mục hoàn thành của đơn giá cơ bản và đơn giá cao cấp, Villa/biệt thự cổ điển còn thực hiện thêm các hạng mục: - Thi công nổi đất cho hệ thống điện toàn nhà.					
	LOẠI MÓNG	ĐƠN GIÁ MÓNG (%ĐGCB x Smóng)		Căn cứ hồ sơ thiết kế kết cấu; căn cứ khảo sát thực tế địa chất, địa hình để áp dụng biện pháp và giải pháp thi công phù hợp.					
	Móng đơn	20% - 25%		Đơn giá chưa bao gồm các biện pháp gia cố nền móng ngoại vi công trình. Thi công theo hồ sơ thiết kế kỹ thuật kết hợp thực địa.					
	Móng băng	35% - 40%							
	Móng bè	55% - 60%							
	Móng cọc	30% - 35%		Đơn giá tính ngang phần đầu cọc trở lên. Khối lượng ép cọc tính riêng, tùy theo địa chất khảo sát và khối lượng cọc ép thực tế.					
	TUM - MÁI	ĐƠN GIÁ MÁI (%ĐGCB x Smái)		Tùy thuộc thiết kế, cấu tạo, vật liệu sử dụng					
	Mái tôn bảo vệ	12% - 15%		Lớp tôn chống nóng, bảo vệ sàn bê tông					
	Mái dốc trang trí	35% - 55%.		Các kiểu mái có cổ mái hoặc xây thu hồi thông dụng như: mái thái, mái lồi, ...					
III					THIẾT KẾ PHÍ				
STT	PHÂN KHÚC	HẠNG MỤC THIẾT KẾ		DIỄN GIẢI		GHI CHÚ			
		CÔNG TRÌNH	NỘI THẤT						
1	Cư trú: Nhà phố/Biệt thự phố/Nhà vườn	120.000đ/m ²	+ 40.000đ/m ²	* NỘI DUNG THỰC HIỆN: - Thiết kế phương án kiến trúc sơ bộ. - Triển khai hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công					

2	Lưu trú: Chung cư cho thuê/ Nhà nghỉ/khách sạn/...	120.000đ/m2	+ 40.000đ/m2	- Thiết kế, triển khai hồ sơ kết cấu - Thiết kế, triển khai hồ sơ điện nước - Hồ sơ Xin cấp phép xây dựng. - Giám sát tác giả quá trình xây dựng nếu không thi công trọn gói (từ 3 - 5 lần). * NỘI THẤT: - Thiết kế phương án sơ bộ 3D nội thất => điều chỉnh và chốt phương án nội thất. - Triển khai hồ sơ chi tiết thi công nội thất.	Chiều cao từ 1 đến 3 tầng
3	Thiết kế cảnh quan, sân vườn	120.000 đ/m2	Đơn giá thiết kế phí sân vườn áp dụng cho công trình thuộc phân khúc cư trú và lưu trú. Các hạng mục thực hiện bao gồm: - Thiết kế phương án cảnh quan sân vườn sơ bộ bằng 2D, 3D. - Triển khai hồ sơ thiết kế thi công chi tiết, phê duyệt và bàn giao thực hiện.		
4	Cao cấp: Villa/Biệt thự cỏ điện/Biệt thự vườn	Từ 300.000đ/m2	Đơn giá thiết kế phí áp dụng chung cho diện tích sàn xây dựng và diện tích thiết kế cảnh quan sân vườn, hồ bơi, relax, ...ngoại vi chủ thể công trình.		

Giảm 50% thiết kế phí đối với Hợp đồng thi công trọn gói có giá trị từ 500.000.000 đ - 1.000.000.000 đồng.

Giảm 100% thiết kế phí đối với Hợp đồng thi công trọn gói có giá trị từ 1.000.000.000 đồng trở lên.

Thanh toán 100% thiết kế phí đối với Hợp đồng thi công trọn gói có giá trị dưới 500.000.000 đồng.

IV	PHẦN NỘI THẤT (KHÔNG NẪM TRONG ĐƠN GIÁ THI CÔNG TRỌN GÓI)	
	Căn cứ vào bản vẽ thiết kế nội thất và bóc tách khối lượng của từng loại nội thất gia công như tủ, giường, bàn ghế, kệ, lam, rèm...; nội thất trang trí tranh ảnh, bình, chậu,... cũng như vật dụng, thiết bị Tủ lạnh, tivi, máy hút mùi, bếp âm, chăn ga gối nệm,... để có báo giá cụ thể. Các hạng mục trần thạch cao, trần gỗ, trần nhôm, và các thiết bị gắn trần tương ứng... thuộc phạm vi thiết kế và thi công nội thất.	
V	CÁCH TÍNH HỢP ĐỒNG THI CÔNG TRỌN GÓI	
	GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG THI CÔNG:	
	Công thức tính giá trị hợp đồng phần thô như sau:	
	GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG EPC = (Đ.sàn... x S.sàn) + (Đ.móng... x S.móng) + (Đ.mái... x S.mái) + Thiết kế phí (nếu có)	
	Trong đó:	
	+ Đ.gói: Đơn giá theo gói lựa chọn căn cứ vào loại hình công trình, ý muốn cũng như khả năng tài chính của chủ đầu tư.	
	+ S.sàn: là Diện tích xây dựng bao gồm Ssàn1 + Ssàn 2 + ... +Ssàn N, căn cứ theo hồ sơ thiết kế và thực tế thi công.	
	+ Đ.móng = %Đơn giá cơ bản. Ví dụ: Phân khúc cư trú, gói cơ bản có Đ.móng đơn = 25%*3.600.000đ = 900.000 đ/m2	
	+ S.móng: là Diện tích xây dựng phần móng, căn cứ theo hồ sơ thiết kế và thực tế thi công.	
	Đ.mái = % đơn giá cơ bản. Ví dụ: Phân khúc cư trú, gói cơ bản có Đ.mái tôn = 20%*3.600.000đ = 720.000 đ/m2 (mặt bằng mái)	
	+ S.mái: là Diện tích mái phủ trên mặt bằng, căn cứ theo hồ sơ thiết kế và thực tế thi công.	
*	LƯU Ý:	
1	Đơn giá có thể thay đổi tăng hoặc giảm phụ thuộc vào thời giá vật liệu, thiết bị, chi phí nhân công,...	
2	Công ty còn có các chương trình chăm sóc ưu đãi dành cho khách hàng/chủ đầu tư theo các dịp lễ hoặc kế hoạch định kỳ. Quý khách hàng, chủ đầu tư có thể liên hệ Bộ phận Chăm sóc khách hàng (CSKH) để nắm thông tin và tận dụng các chính sách giá, lợi ích sản phẩm tốt nhất mà chúng tôi đem lại.	
TRÂN TRỌNG CẢM ƠN VÀ RẤT MONG NHẬN ĐƯỢC SỰ ỦNG HỘ CỦA QUÝ KHÁCH HÀNG!		